

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2023

“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Luật;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Gái;

Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Phương Nh, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1995;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu phố N, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ hiện nay: Đang xuất khẩu lao động, làm việc tại Nhật Bản, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2022, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Phương Nh trình bày:

Ngày 07/4/2016, chị Nguyễn Ngọc Phương Nh và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Do điều kiện gia đình, anh Nguyễn Văn B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2018 đến nay. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, nhưng sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn lại với nhau, khi chị Nh liên lạc qua mạng xã hội thì anh B nói chưa về. Tình cảm vợ chồng ngày càng ít quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Do anh B qua Nhật Bản đã thay đổi chỗ làm và không cung cấp được địa chỉ nơi ở cho chị Nhbiết, nên chị Nh không biết địa chỉ cụ thể của anh B ở đâu. Tuy nhiên, hai người vẫn liên lạc được với nhau qua điện thoại, mạng xã hội.

Nay chị Nh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nh xin được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 16/11/2015.

Nếu được ly hôn, chị Nh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hồng L và yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn B không có ý kiến trình bày gì.

Tại Biên bản làm việc ngày 24/3/2023, ông Nguyễn Văn Th (là bố đẻ của anh Nguyễn Văn B) có ý kiến như sau:

Cháu Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Ngọc Phương Nh kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vợ chồng cháu Bằng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 16/11/2015. Năm 2018 thì cháu B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản cho đến nay, cũng vì cháu B đi xuất khẩu lao động nhiều năm không về mới phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, chị Nguyễn Ngọc Phương Nh xin ly hôn cháu Nguyễn Văn B và xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hồng L thì gia đình ông Thanh không có ý kiến gì, hai vợ chồng tự quyết định chuyện tình cảm vợ chồng và con cái.

Gia đình ông Nguyễn Văn Th đã nhận được Thông báo số 04/TB-TLVA ngày 01/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thụ lý giải quyết vụ án “ly hôn và tranh chấp nuôi con” giữa chị Nh với cháu B. Gia đình đã gọi điện thoại và thông báo cho cháu B biết việc chị Nh có đơn xin ly hôn, nhưng anh B bận lao động nên không thể sắp xếp về nước để giải quyết việc ly hôn được.

Hiện nay, gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Văn B tại Nhật Bản, nhưng anh B và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại và qua mạng xã hội Facebook, Zalo. Ông Th cam kết sẽ thông báo cho anh B biết tất cả các văn bản, giấy tờ mà Tòa án tổng đạt cho anh B.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS; vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc Phương Nh với anh Nguyễn Văn B là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian thì anh Nguyễn Văn B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó cả hai không sống chung và ít liên lạc với nhau trong một thời

gian dài, mâu thuẫn phát sinh. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ vào hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao và áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Ngọc Phương Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 16/11/2015 cho chị Nguyễn Ngọc Phương Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Không chấp nhận yêu cầu về việc buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng vì chị Nh không chứng minh được thu nhập hàng tháng của anh B là bao nhiêu nên không có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Phương Nh phải chịu 300.000 án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Khi chị Nguyễn Ngọc Phương Nh nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn B, thì anh B đang lao động tại Nhật Bản. Trước và sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Nh và gia đình anh B không cung cấp được địa chỉ của anh B tại Nhật Bản, nhưng phía gia đình của anh Nguyễn Văn B vẫn thường xuyên liên lạc với anh B qua điện thoại và qua mạng xã hội Facebook, nên được coi là trường hợp bị đơn có tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “*Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ*” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho người thân của anh B các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; và gia đình cam đoan thông báo lại các văn bản tố tụng cho anh B biết, nhưng anh B không có bản trình bày ý kiến, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Phương Nh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc Phương Nh và anh Nguyễn Văn B là hợp pháp và thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân ly hôn, chị Nh cho rằng vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, ít quan tâm, liên lạc với nhau và không thể hàn gắn được. Anh B đi lao động ở nước ngoài ít có điều kiện về thăm gia đình, ít quan tâm, chăm sóc vợ con.

HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh B đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Ngọc Phương Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

[2.2] Về con chung:

Chị Nh và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 16/11/2015, khi ly hôn chị Nh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con cho ai nuôi là đảm bảo quyền lợi của cháu Nguyễn Thị Hồng L, hiện tại anh B đang xuất khẩu lao động ở nước Nhật Bản nên không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L. Trong khi đó, chị Nh có điều kiện và có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L; cháu L cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Nguyễn Thị Hồng L cho chị Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Văn B phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Phương Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Phương Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 16/11/2015 cho chị Nguyễn Ngọc Phương Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Phương Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000222 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (Chị Nh đã nộp đủ).

Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QTrị;
- UBND phường M, TP Đ;;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Luật

